Phụ lục 04

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG MUA SẮM THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU LỚP 4, LỚP 5

(Kèm theo Quyết định số: 2035 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: đồng

STT	Xã, phường	Tên trường	Số lượng thứ tự trường	Giá thiết bị	Chi phí khác	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Chi phí thẩm định giá	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6=7+…+11	7	8	9	10	11	12=5+6
				39.372.946.000	**354.357.000**	**78.746.000**	**78.746.000**	**39.373.000**	**39.373.000**	**118.119.000**	**39.727.303.000**
1	**Xã Bắc Sơn**	**Tổng SL**		**525.250.000**	**4.727.250**	1.050.500	1.050.500	525.250	525.250	1.575.750	**529.977.250**
		Trường Tiểu học Bắc Sơn	1		-						
		Trường Tiểu học Long Đống	2		-						
		Trường Tiểu học Bắc Quỳnh	3		-						
2	**Xã Hưng Xũ**	**Tổng SL**		**467.978.000**	**4.211.802**	935.956	935.956	467.978	467.978	1.403.934	**472.189.802**
		Trường Tiểu học Hưng Vũ	1		-						
		Trường PTDTBT TH1 Trấn Yên	2		-						
		Trường PTDTBT TH2 Trấn Yên	3		-						
3	**Xã Vũ Lăng**	**Tổng SL**		**648.830.000**	**5.839.470**	1.297.660	1.297.660	648.830	648.830	1.946.490	**654.669.470**
		Trường Tiểu học 1 Vũ Lăng	1		-						
		Trường Tiểu học 2 Vũ Lăng	2		-						
		Trường TH&THCS Tân Hương	3		-						
		Trường Tiểu học Tân Lập	4		-						
		Trường TH&THCS Chiêu Vũ	5		-						
4	**Xã Nhất Hoà**	**Tổng SL**		**497.702.000**	**4.479.318**	995.404	995.404	497.702	497.702	1.493.106	**502.181.318**
		Trường Tiểu học xã Nhất Hoà	1		-						
		Trường Tiểu học xã Nhất Tiến	2		-						
		Trường TH&THCS Tân Thành	3		-						
5	**Xã Vũ Lễ**	**Tổng SL**		**547.390.000**	**4.926.510**	1.094.780	1.094.780	547.390	547.390	1.642.170	**552.316.510**
		Trường Tiểu học 1 Vũ Lễ	1		-						
		Trường Tiểu học 2 Vũ Lễ	2		-						
		Trường Tiểu học Vũ Sơn	3		-						
		Trường TH&THCS Chiến Thắng	4		-						
6	**Xã Tân Tri**	**Tổng SL**		**478.668.000**	**4.308.012**	957.336	957.336	478.668	478.668	1.436.004	**482.976.012**
		Trường Tiểu học Tân Tri	1		-						
		Trường Tiểu học Đồng Ý	2		-						
		Trường PTDTBT TH&THCS Vạn Thủy	3		-						
		Tổng SL		**657.099.000**	**5.913.891**	1.314.198	1.314.198	657.099	657.099	1.971.297	**663.012.891**

STT	Xã, phường	Tên trường	Số lượng thứ tự trường	Giá thiết bị	Chi phí khác	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Chi phí thẩm định giá	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6=7+…+11	7	8	9	10	11	12=5+6
7	**Xã Tân Văn**	Trường PTDTBT TH&THCS Bình La	1		-						
		Trường TH Tân Văn	2		-						
		Trường PTDTBT TH&THCS Hồng Thái	3		-						
8	**Xã Bình Gia**	**Tổng SL**		**1.032.724.000**	**9.294.516**	2.065.448	2.065.448	1.032.724	1.032.724	3.098.172	**1.042.018.516**
		Trường TH Tô Hiệu	1		-						
		Trường TH Thị Trấn	2		-						
		Trường TH Hoàng Văn Thụ	3		-						
		Trường PTDTBT TH&THCS Mông Ân	4		-						
9	**Xã Hồng Phong**	**Tổng SL**		**542.914.000**	**4.886.226**	1.085.828	1.085.828	542.914	542.914	1.628.742	**547.800.226**
		Trường TH Minh Khai	1		-						
		Trường PTDTBT TH Hồng Phong	2		-						
10	**Xã Hoa Thám**	**Tổng SL**		**412.274.000**	**3.710.466**	824.548	824.548	412.274	412.274	1.236.822	**415.984.466**
		Trường PTDTBT TH Hoa Thám	1		-						
		Trường PTDTBT TH Hưng Đạo	2		-						
11	**Xã Quý Hoà**	**Tổng SL**		**326.898.000**	**2.942.082**	653.796	653.796	326.898	326.898	980.694	**329.840.082**
		Trường PTDTBT TH&THCS Quý Hòa	1		-						
		Trường PTDTBT TH&THCS Vĩnh Yên	2		-						
12	**Xã Thiện Thuật**	**Tổng SL**		**582.814.000**	**5.245.326**	1.165.628	1.165.628	582.814	582.814	1.748.442	**588.059.326**
		Trường PTDTBT TH Quang Trung	1		-						
		Trường PTDTBT TH Thiện Thuật	2		-						
13	**Xã Thiện Hoà**	**Tổng SL**		**560.931.000**	**5.048.379**	1.121.862	1.121.862	560.931	560.931	1.682.793	**565.979.379**
		Trường PTDTBT TH Yên Lỗ	1		-						
		Trường PTDTBT TH Tân Tiến	2		-						
		Trường PTDTBT TH Thiện Hoà	3		-						
14	**Xã Thiện Long**	**Tổng SL**		**567.735.000**	**5.109.615**	1.135.470	1.135.470	567.735	567.735	1.703.205	**572.844.615**
		Trường PTDTBT TH Thiện Long	1		-						
		Trường PTDTBT TH&THCS Tân Hòa	2		-						
		Trường PTDTBT TH Hoà Bình	3		-						
15	**Xã Đồng**	**Tổng SL**		**1.076.224.000**	**9.686.016**	2.152.448	2.152.448	1.076.224	1.076.224	3.228.672	**1.085.910.016**
		Trường TH TT Đồng Đăng	1		-						
		Trường PTDTBT Phú Xá	2		-						

STT	Xã, phường	Tên trường	Số lượng thứ tự trường	Giá thiết bị	Chi phí khác	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Chi phí thẩm định giá	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6=7+…+11	7	8	9	10	11	12=5+6
15	**Đăng**	Trường TH Thụy Hùng	3		-						
		Trường TH&THCS Bảo Lâm	4		-						
		Trường TH Hồng Phong	5		-						
16	**Xã Ba Sơn**	**Tổng SL**		**545.009.000**	**4.905.081**	1.090.018	1.090.018	545.009	545.009	1.635.027	**549.914.081**
		Trường TH Xuất Lễ	1		-						
		Trường TH Cao Lâu	2		-						
		Trường PTDTBT Mẫu Sơn	3		-						
		Trường TH Ba Sơn	4		-						
17	**Xã Cao Lộc**	**Tổng SL**		**371.515.000**	**3.343.635**	743.030	743.030	371.515	371.515	1.114.545	**374.858.635**
		Trường PTDTBT Thanh Lòa	1		-						
		Trường PTDTBT Lộc Yên	2		-						
		Trường TH Thạch Đạn	3		-						
18	**Xã Công Sơn**	**Tổng SL**		**412.688.000**	**3.714.192**	825.376	825.376	412.688	412.688	1.238.064	**416.402.192**
		Trường TH&THCS Hòa Cư	1		-						
		Trường TH&THCS Hải Yến	2		-						
		Trường PTDTBT Công Sơn	3		-						
19	**Xã Hữu Lũng**	**Tổng SL**		**835.687.000**	**7.521.183**	1.671.374	1.671.374	835.687	835.687	2.507.061	**843.208.183**
		Trường TH 1 Hữu Lũng	1		-						
		Trường TH 2 Hữu Lũng	2		-						
		Trường TH Đồng Tân	3		-						
		Trường TH Hồ Sơn	4		-						
		Trường TH Sơn Hà Hữu Lũng	5		-						
20	**Xã Tuấn Sơn**	**Tổng SL**		**720.489.000**	**6.484.401**	1.440.978	1.440.978	720.489	720.489	2.161.467	**726.973.401**
		Trường TH 1 Minh Sơn	1		-						
		Trường TH 2 Minh Sơn	2		-						
		Trường TH Minh Hoà	3		-						
		Trường TH 1 Hoà Thắng	4		-						
		Trường TH&THCS Hòa Thắng	5		-						
21	**Xã Vân Nham**	**Tổng SL**		**637.421.000**	**5.736.789**	1.274.842	1.274.842	637.421	637.421	1.912.263	**643.157.789**
		Trường TH 1 Vân Nham	1		-						
		Trường TH Nhật Tiến	2		-						
		Trường TH&THCS Minh Tiến	3		-						

STT	Xã, phường	Tên trường	Số lượng thứ tự trường	Giá thiết bị	Chi phí khác	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Chi phí thẩm định giá	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6=7+…+11	7	8	9	10	11	12=5+6
		Trường TH&THCS Vân Nham	4		-						
22	**Xã Cai Kinh**	**Tổng SL**		**447.175.000**	**4.024.575**	894.350	894.350	447.175	447.175	1.341.525	**451.199.575**
		Trường TH Cai Kinh	1		-						
		Trường TH&THCS Yên Vượng	2		-						
		Trường TH&THCS Yên Sơn	3		-						
23	**Xã Tân Thành**	**Tổng SL**		**505.186.000**	**4.546.674**	1.010.372	1.010.372	505.186	505.186	1.515.558	**509.732.674**
		Trường TH Hoà Lạc	1		-						
		Trường TH Hoà Sơn	2		-						
		Trường TH Tân Thành	3		-						
24	**Xã Yên Bình**	**Tổng SL**		**446.811.000**	**4.021.299**	893.622	893.622	446.811	446.811	1.340.433	**450.832.299**
		Trường TH Quyết Thắng	1		-						
		Trường TH Yên Bình	2		-						
		Trường TH&THCS Hoà Bình	3		-						
25	**Xã Hữu Liên**	**Tổng SL**		**290.547.000**	**2.614.923**	581.094	581.094	290.547	290.547	871.641	**293.161.923**
		Trường TH Yên Thịnh	1		-						
		Trường TH&THCS Hữu Liên	2		-						
26	**Xã Thiện Tân**	**Tổng SL**		**573.961.000**	**5.165.649**	1.147.922	1.147.922	573.961	573.961	1.721.883	**579.126.649**
		Trường TH&THCS Đồng Tiến	1		-						
		Trường TH&THCS Thanh Sơn	2		-						
		Trường PTDTBTTH 1 Thiện Tân	3		-						
		Trường PTDTBTTH 2 Thiện Tân	4		-						
27	**Xã Na Sầm**	**Tổng SL**		**755.050.000**	**6.795.450**	1.510.100	1.510.100	755.050	755.050	2.265.150	**761.845.450**
		Trường TH Na Sầm	1		-						
		Trường TH Bắc Hùng	2		-						
		Trường TH Hoàng Việt	3		-						
		TH Tân Lang	4		-						
28	**Xã Hoàng Văn Thụ**	**Tổng SL**		**871.304.000**	**7.841.736**	1.742.608	1.742.608	871.304	871.304	2.613.912	**879.145.736**
		Trường TH Tân Mỹ	1		-						
		Trường PTDTBTTH&THCS Nhạc Kỳ	2		-						
		Trường TH&THCS Hồng Thái	3		-						
		Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	4		-						
		Trường TH Tân Thanh	5		-						
		Tổng SL		**517.201.000**	**4.654.809**	1.034.402	1.034.402	517.201	517.201	1.551.603	**521.855.809**

STT	Xã, phường	Tên trường	Số lượng thứ tự trường	Giá thiết bị	Chi phí khác	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Chi phí thẩm định giá	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6=7+…+11	7	8	9	10	11	12=5+6
29	**Xã Hội Hoan**	Trường PTDTBT Tiểu học Hội Hoan	1		-						
		Trường Tiểu học Gia Miễn	2		-						
		Trường PTDTBT TH Nam La	3		-						
30	**Xã Thuỵ Hùng**	**Tổng SL**		**439.816.000**	**3.958.344**	879.632	879.632	439.816	439.816	1.319.448	**443.774.344**
		Trường TH&THCS	1		-						
		Trường TH Thanh Long	2		-						
		Trường TH&THCS Trùng Khánh	3		-						
31	**Xã Văn Lãng**	**Tổng SL**		**576.094.000**	**5.184.846**	1.152.188	1.152.188	576.094	576.094	1.728.282	**581.278.846**
		Trường PTDTBT TH Bắc La	1		-						
		Trường TH Tân Tác	2		-						
		Trường TH Thành Hòa	3		-						
		Trường TH&THCS Bắc Việt	4		-						
32	**Xã Na Dương**	**Tổng SL**		**1.107.201.000**	**9.964.809**	2.214.402	2.214.402	1.107.201	1.107.201	3.321.603	**1.117.165.809**
		Trường Tiểu học Mỏ than Na Dương	1		-						
		Trường Tiểu học Na Dương	2		-						
		Trường Tiểu học Tú Đoạn	3		-						
		Trường Tiểu học Đông Quan	4		-						
		Trường TH&THCS Tú Đoạn	5		-						
		Trường TH&THCS Quan Bản	6		-						
33	**Xã Khuất Xá**	**Tổng SL**		**700.418.000**	**6.303.762**	1.400.836	1.400.836	700.418	700.418	2.101.254	**706.721.762**
		Trường Tiểu học Khuất Xá I	1		-						
		Trường Tiểu học Khuất Xá II	2		-						
		Trường Tiểu học và THCS Tam Gia	3		-						
		Trường TH&THCS Tĩnh Bắc	4		-						
34	**Xã Lộc Bình**	**Tổng SL**		**903.052.000**	**8.127.468**	1.806.104	1.806.104	903.052	903.052	2.709.156	**911.179.468**
		Trường Tiểu học Khánh Xuân	1		-						
		Trường Tiểu học Hòa Bình	2		-						
		Trường Tiểu học Đồng Bục	3		-						
		Trường Tiểu học Minh Khai	4		-						
		Trường Tiểu học 19 tháng 10	5		-						
		Trường TH&THCS Hữu Khánh	6		-						
35	**Xã Lợi Bác**	**Tổng SL**		**625.163.000**	**5.626.467**	1.250.326	1.250.326	625.163	625.163	1.875.489	**630.789.467**
		Trường Tiểu học Sàn Viên	1		-						

STT	Xã, phường	Tên trường	Số lượng thứ tự trường	Giá thiết bị	Chi phí khác	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Chi phí thẩm định giá	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6=7+…+11	7	8	9	10	11	12=5+6
		Trường Tiểu học Lợi Bác	2		-						
36	**Xã Thống Nhất**	**Tổng SL**		**1.032.453.000**	**9.292.077**	2.064.906	2.064.906	1.032.453	1.032.453	3.097.359	**1.041.745.077**
		Trường PTDT BT Tiểu học Minh Phát	1		-						
		Trường TH&THCS Thống Nhất	2		-						
		Trường PTDT BT Tiểu học Hữu Lân	3		-						
		Trường TH&THCS Vân Mộng	4		-						
		Trường TH&THCS Nhượng Bạn	5		-						
		Trường TH&THCS Hiệp Hạ	6		-						
37	**Xã Mẫu Sơn**	**Tổng SL**		**498.549.000**	**4.486.941**	997.098	997.098	498.549	498.549	1.495.647	**503.035.941**
		Trường Tiểu học Yên Khoái	1		-						
		Trường Tiểu học Mẫu Sơn	2		-						
		Trường Tiểu học Tú Mịch	3		-						
38	**Xã Xuân Dương**	**Tổng SL**		**512.000.000**	**4.608.000**	1.024.000	1.024.000	512.000	512.000	1.536.000	**516.608.000**
		Trường PTDT bán trú Tiểu học Ái Quốc	1		-						
		Trường TH&THCS Nam Quan	2		-						
		Trường PTDT TH&THCS Ái Quốc	3		-						
		Trường PTDT bán trú TH&THCS Xuân Dương	4		-						
39	**Phường Lương Văn Tri**	**Tổng SL**		**630.648.000**	**5.675.832**	1.261.296	1.261.296	630.648	630.648	1.891.944	**636.323.832**
		Trường TH Chi Lăng	1		-						
		Trường TH Quảng Lạc	2		-						
		Trường TH&THCS Lê Quý Đôn	3		-						
40	**Phường Đông Kinh**	**Tổng SL**		**956.836.000**	**8.611.524**	1.913.672	1.913.672	956.836	956.836	2.870.508	**965.447.524**
		Trường TH Đông Kinh	1		-						
		Trường TH Kim Đồng	2		-						
		Trường TH Mai Pha	3		-						
		Trường TH Vĩnh Trại	4		-						
		Trường TH Yên Trạch	5		-						
41	**Phường Tam Thanh**	**Tổng SL**		**563.615.000**	**5.072.535**	1.127.230	1.127.230	563.615	563.615	1.690.845	**568.687.535**
		Trường TH Hoàng Đồng	1		-						
		Trường TH Lê Văn Tám	2		-						
		Trường TH Tam Thanh	3		-						
		Tổng SL		**1.163.655.000**	**10.472.895**	2.327.310	2.327.310	1.163.655	1.163.655	3.490.965	**1.174.127.895**

STT	Xã, phường	Tên trường	Số lượng thứ tự trường	Giá thiết bị	Chi phí khác	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Chi phí thẩm định giá	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6=7+…+11	7	8	9	10	11	12=5+6
42	**Phường Kỳ Lừa**	Trường TH Hoàng Văn Thụ	1		-						
		Trường TH Hợp Thành	2		-						
		Trường TH Cao Lộc	3		-						
		Trường TH Tân Liên	4		-						
		Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	5		-						
43	**Xã Chi Lăng**	**Tổng SL**		**937.128.000**	**8.434.152**	1.874.256	1.874.256	937.128	937.128	2.811.384	**945.562.152**
		Trường TH Đồng Bành	1		-						
		Trường TH Chi Lăng	2		-						
		Trường TH1TT Đồng Mỏ	3		-						
		Trường TH2 TT Đồng Mỏ	4		-						
		Trường TH&THCS Mỏ Đá	5		-						
		Trường TH Lê Lợi	6		-						
44	**Xã Nhân Lý**	**Tổng SL**		**551.772.000**	**4.965.948**	1.103.544	1.103.544	551.772	551.772	1.655.316	**556.737.948**
		Trường TH Mai Sao	1		-						
		Trường TH Nhân Lý	2		-						
		Trường TH&THCS Bắc Thủy	3		-						
		Trường TH&THCS Lâm Sơn	4		-						
45	**Xã Chiến Thắng**	**Tổng SL**		**518.244.000**	**4.664.196**	1.036.488	1.036.488	518.244	518.244	1.554.732	**522.908.196**
		Trường TH Vân An	1		-						
		Trường TH Chiến Thắng	2		-						
		Trường TH &THCS Vân Thủy	3		-						
		Trường TH&THCS Liên Sơn	4		-						
46	**Xã Quan Sơn**	**Tổng SL**		**333.577.000**	**3.002.193**	667.154	667.154	333.577	333.577	1.000.731	**336.579.193**
		Trường TH Quan Sơn	1		-						
		Trường PTDTBT TH1 Hữu Kiên	2		-						
		Trường PTDTBT TH2 Hữu Kiên	3		-						
47	**Xã Vạn Linh**	**Tổng SL**		**495.288.000**	**4.457.592**	990.576	990.576	495.288	495.288	1.485.864	**499.745.592**
		Trường TH Hòa Bình	1		-						
		Trường TH Vạn Linh	2		-						
		Trường TH Y Tịch	3		-						
48	**Xã Bằng Mạc**	**Tổng SL**		**551.132.000**	**4.960.188**	1.102.264	1.102.264	551.132	551.132	1.653.396	**556.092.188**
		Trường TH Bằng Mạc	1		-						
		Trường TH&THCS Thượng Cường	2		-						
		Trường TH&THCS Gia Lộc	3		-						

STT	Xã, phường	Tên trường	Số lượng thứ tự trường	Giá thiết bị	Chi phí khác	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Chi phí thẩm định giá	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6=7+…+11	7	8	9	10	11	12=5+6
		Trường TH &THCS Bằng Hữu	4		-						
49	Xã Văn Quan	**Tổng SL**		**527.439.000**	**4.746.951**	1.054.878	1.054.878	527.439	527.439	1.582.317	**532.185.951**
		Trường TH1 Văn Quan	1		-						
		Trường TH2 Văn Quan	2		-						
		Trường PTDTBT TH&THCS Hòa Bình	3		-						
		Trường TH&THCS Tú Xuyên	4		-						
50	Xã Yên Phúc	**Tổng SL**		**678.259.000**	**6.104.331**	1.356.518	1.356.518	678.259	678.259	2.034.777	**684.363.331**
		Trường TH Yên Phúc	1		-						
		TrườngTH&THCS Bình Phúc	2		-						
		TrườngTH&THCS 1 An Sơn	3		-						
		TrườngTH&THCS 2 An Sơn	4		-						
		TrườngTH&THCS 3 An Sơn	5		-						
51	Xã Khánh Khê	**Tổng SL**		**702.468.000**	**6.322.212**	1.404.936	1.404.936	702.468	702.468	2.107.404	**708.790.212**
		Trường TH&THCS Đồng Giáp	1		-						
		Trường TH&THCS Khánh Khê	2		-						
		Trường TH Xuân Long	3		-						
		Trường TH&THCS Bình Trung	4		-						
		Trường TH&THCS Tràng Các	5		-						
52	Xã Tri Lễ	**Tổng SL**		**527.060.000**	**4.743.540**	1.054.120	1.054.120	527.060	527.060	1.581.180	**531.803.540**
		Trường PTDTBT TH1 Tri Lễ	1		-						
		Trường PTDTBT TH2 Tri Lễ	2		-						
		Trường PTDTBT TH&THCS Hữu Lễ	3		-						
		Trường TH Lương Năng	4		-						
53	Xã Điềm He	**Tổng SL**		**661.049.000**	**5.949.441**	1.322.098	1.322.098	661.049	661.049	1.983.147	**666.998.441**
		Trường PTDTBT TH&THCS Liên Hội	1		-						
		Trường TH&THCS Điềm He	2		-						
		TrườngTH&THCS Trấn Ninh	3		-						
		TrườngTH&THCS Liên Hội	4		-						
		Trường PTDTBT TH&THCS Điềm He	5		-						
54	Xã Tân Đoàn	**Tổng SL**		**463.272.000**	**4.169.448**	926.544	926.544	463.272	463.272	1.389.816	**467.441.448**
		Trường TH&THCS Tân Đoàn	1		-						
		TTrườngH&THCS Tràng Phái	2		-						
		Trường TH Tân Thành	3		-						
		Tổng SL		**344.300.000**	**3.098.700**	688.600	688.600	344.300	344.300	1.032.900	**347.398.700**

STT	Xã, phường	Tên trường	Số lượng thứ tự trường	Giá thiết bị	Chi phí khác	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Chi phí thẩm định giá	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6=7+…+11	7	8	9	10	11	12=5+6
55	**Xã Đình Lập**	Trường Tiểu học I Đình Lập	1		-						
		Trường Tiểu học II Đình Lập	2		-						
56	**Xã Châu Sơn**	**Tổng SL**		**490.899.000**	**4.418.091**	981.798	981.798	490.899	490.899	1.472.697	**495.317.091**
		Trường Tiểu học Châu Sơn	1		-						
		Trường Tiểu học Đồng Thắng	2		-						
		Trường Tiểu học và THCS Bắc Lãng	3		-						
		Trường Tiểu học và THCS Cường Lợi	4		-						
57	**Xã Thái Bình**	**Tổng SL**		**570.930.000**	**5.138.370**	1.141.860	1.141.860	570.930	570.930	1.712.790	**576.068.370**
		Trường Tiểu học thị trấn Nông Trường Thái Bình	1		-						
		Trường Tiểu học I Thái Bình	2		-						
		Trường PTDTBT Tiểu học II Thái Bình	3		-						
		Trường Tiểu học xã Lâm Ca	4		-						
58	**Xã Kiên Mộc**	**Tổng SL**		**589.428.000**	**5.304.852**	1.178.856	1.178.856	589.428	589.428	1.768.284	**594.732.852**
		Trường PTDTBT Tiểu học I Kiên Mộc	1		-						
		Trường PTDTBT Tiểu học II Kiên Mộc	2		-						
		Trường Tiểu học Bắc Xa	3		-						
		Trường PTDTBT Tiểu học I Bính Xá	4		-						
		Trường Tiểu học II Bính Xá	5		-						
59	**Xã Thất Khê**	**Tổng SL**		**871.872.000**	**7.846.848**	1.743.744	1.743.744	871.872	871.872	2.615.616	**879.718.848**
		Trường TH Chi Lăng	1		-						
		Trường TH Đại Đồng	2		-						
		Trường TH Thất Khê	3		-						
		Trường PTDTBT TH&THCS Chí Minh	4		-						
		Trường TH, THCS Đại Đồng II	5		-						
60	**Xã Quốc Việt**	**Tổng SL**		**324.123.000**	**2.917.107**	648.246	648.246	324.123	324.123	972.369	**327.040.107**
		Trường TH Đào Viên	1		-						
		Trường TH Quốc Việt	2		-						
61	**Xã Tràng Định**	**Tổng SL**		**592.743.000**	**5.334.687**	1.185.486	1.185.486	592.743	592.743	1.778.229	**598.077.687**
		Trường: TH Đề Thám	1		-						
		Trường TH, THCS Hùng Sơn.	2		-						
		Trường TH,THCS Hùng Việt	3		-						
		Trường PTDTBT TH,THCS Bắc Ái 1	4		-						
		Tổng SL		**652.310.000**	**5.870.790**	1.304.620	1.304.620	652.310	652.310	1.956.930	**658.180.790**

STT	Xã, phường	Tên trường	Số lượng thứ tự trường	Giá thiết bị	Chi phí khác	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Chi phí thẩm định giá	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6=7+…+11	7	8	9	10	11	12=5+6
62	**Xã Quốc Khánh**	Trường TH xã Quốc Khánh	1		-						
		Trường TH xã Tri Phương	2		-						
		Trường TH Khánh Hòa	3		-						
		Trường Tiểu học,THCS Đội Cấn	4		-						
63	**Xã Tân Tiến**	**Tổng SL**		**519.050.000**	**4.671.450**	1.038.100	1.038.100	519.050	519.050	1.557.150	**523.721.450**
		Trường TH xã Tân Tiến	1		-						
		Trường TH Kim Đồng (Tràng Định)	2		-						
		Trường PTDTBT TH,THCS Bắc Ái II	3		-						
		Trường PTDTBT TH, THCS Tân Yên	4		-						
64	**Xã Kháng Chiến**	**Tổng SL**		**418.232.000**	**3.764.088**	836.464	836.464	418.232	418.232	1.254.696	**421.996.088**
		Trường TH&THCS Kháng Chiến	1		-						
		Trường PTDTBTTH&THCS Trung Thành	2		-						
		Trường PTDTBT TH&THCS Tân Minh	3		-						
65	**Xã Đoàn Kết**	**Tổng SL**		**487.396.000**	**4.387.050**	974.900	974.900	487.450	487.450	1.462.350	**491.783.050**
		Trường PTDTBT TH, THCS Cao Minh	1		-						
		Trường PTDTBT TH,THCS Đoàn Kết	2		-						
		Trường PTDTBT TH, THCS Khánh Long	3		-						
		Trường PTDTBTTHTHCS Vĩnh Tiến	4		-						